TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT
Ngày 31- 5 -2021
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thuý

Bà Lương Thị Hải Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày31tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Phùng Văn A, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn F, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị B, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn F, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức C – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Hoa Phượng – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Văn A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống có 02 con chung. Quá trình chung sống những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, Chị B ghen tuông vô cớ, chửi bới xúc phạm anh, vợ chồng thường xuyên cãi vã căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Năm 2018 Chị B tự ý bỏ nhà đi làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình và sống ly thân với anh từ năm 2018 đến nay. Đầu năm 2020 Chị B về nhà nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ với nhau, Anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị B. Về con chung: Anh A trình bày anh và Chị B có 02 con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1995 và Phùng Việt G, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002, hiện các con của anh và Chị B đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về tài sản chung: Anh A trình bày anh tự thỏa thuận với Chị B, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B không đồng ý, Chị B đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, anh nhất trí. Tài sản chung anh và Chị B có 01 nhà xây cấp 4 mái bằng, xây năm 2012 có diện tích khoảng 40m2, công trình phụ khép kín trên diện tích đất 150m2 tại thôn Áng Sơn, xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của vợ chồng không liên quan đến bất kỳ ai khác. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 725265 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016QSDĐ/AL ngày 01 tháng 7 năm 2003 mang tên anh là Phùng Văn A, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Anh đề nghị được chia phần diện tích đất có nhà và công trình phụ, nhường Chị B phần đất trống còn lại và anh trả tiền chênh lệch tài sản cho Chị B.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị nhất trí với lời khai của Anh A về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Anh A sống không chung thủy với chị, Anh A có quan hệ tình cảm với người

phụ nữ khác, Anh A đánh chị, vợ chồng mâu thuẫn chị bỏ lên Hà Nội làm mấy năm, vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân nhau. Thời gian gần đây chị về nhà nhưng vợ chồng không chuyện trò, việc ai người đó làm, không quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm với Anh A, Anh A xin ly hôn chị, chị không đồng ý. Nếu Anh A kiên quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc Anh A phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị, chị mới đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị B thống nhất với Anh A vợ chồng có 02 con chung như Anh A trình bày. Các con của chị và Anh A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị B thống nhất vợ chồng có tài sản chung như Anh A trình bày trên. Chị B đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết Chị B nhất trí để Anh A sử dụng phần diện tích đất có nhà và công trình phụ, chị đề nghị được chia phần diện tích đất trống còn lại và Anh A có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho chị và thống nhất về giá trị đất là 8.000.000đ/m2 và trị giá tài sản trên đất là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) như Biên bản định giá tài sản ngày 25 tháng 12 năm 2020. Tại phiên tòa Chị B đề nghị được chia phần diện tích đất có nhà và công trình phụ và trả tiền chênh lệch tài sản cho Anh A.

Tại Bản án số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về tài sản chung:

Giao cho anh Phùng Văn A sở hữu căn nhà xây cấp 4 và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 78,3m2 tại thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 246-C-1, địa chỉ thôn Áng Sơn nay là Thôn F, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 7 năm 2003 mang tên Phùng Văn A. Có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị B dài 18,5m từ mốc 11 đến mốc 12;

- Phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị H dài 18,5m từ mốc 7 đến mốc 8;

- Phía Nam giáp đất đồi 74 dài 4,26m từ mốc 7 đến mốc 12;

- Phía Bắc giáp đất hành lang đường 306 dài 4,26m từ mốc 8 đến mốc 11;

Anh Phùng Văn A có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị B số tiền chênh lệch tài sản là 126.400.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Giao cho chị Nguyễn Thị B sử dụng diện tích đất 71,7m2 tại thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 246- C-1, địa chỉ thôn Áng Sơn nay là Tam Sơn, xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải phòng. Có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Phùng Thanh T dài 18,5m từ mốc 2 đến mốc 3;

- Phía Tây giáp đất ông Phùng Văn A dài 18,5m từ mốc 11 đến mốc 12;

- Phía Nam giáp đất đồi 74 dài 3,94m từ mốc 3 đến mốc 12

- Phía Bắc giáp đất hành lang đường 306 dài 3,94m từ mốc 2 đến mốc 11.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo.)

Anh Phùng Văn A và chị Nguyễn Thị B có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị B có quyền lưu cư trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 3 năm 2021, Chị B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc Anh A phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị thì chị mới đồng ý ly hôn.Về tài sản đề nghị Tòa án giao phần đất có nhà cho chị, giao phần đất trống bên cạnh cho anh Phùng Văn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm hỗ trợ thêm cho Chị B 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để Chị B ổn định chỗ ở mới, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cũng có quan điểm thanh toán tiền chênh lệch tài sản và thanh toán thêm 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho nguyên đơn để bị đơn nhận phần đất có nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Cả hai anh chị đều khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử cho Anh A và Chị B được ly hôn.Về tài sản chung: Hiện nay ngoài căn nhà hai vợ chồng đang ở thì Anh A còn có căn nhà của bố mẹ để lại, mặc dù không phải là tài sản chung của vợ chồng, song Anh A vẫn có chỗ ở, còn Chị B thì không còn chỗ ở nào khác.Chị B làm công nhân tại khu công nghiệp, thường về muộn và chị lại là phụ nữ, không đủ điều kiện và thời gian để xây dựng căn nhà mới để ở.Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

chị Nguyễn Thị B, sửa bản án sơ thẩm, giao phần đất có nhà cho Chị B và phần đất trống cho Anh A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa Anh A và Chị B không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh chị được ly hôn là có căn cứ. Về bồi thường tuổi thanh xuân: Việc Anh A, Chị B kết hôn là tự nguyện, pháp luật không quy định về bồi thường tuổi thanh xuân, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên. Về tài sản chung: Hiện nay nghề nghiệp chính của Anh A không phải là nghề chụp ảnh, anh đã đi làm thạch cao, phụ vữa, Chị B là phụ nữ, ngoài căn nhà trên chị không còn chỗ ở nào khác. Theo khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình thì khi phân chia tài sản phải bảo vệ người phụ nữ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giao phần đất có nhà cho Chị B, phần đất không có nhà cho Anh A và Chị B thanh toán cho Anh A 186.400.000đ (bao gồm 60.000.000đ Chị B thanh toán thêm cho Anh A).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là chị Nguyễn Thị B kháng cáo, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị B:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cả anh Phùng Văn A và chị Nguyễn Thị B đều xác định tình cảm không còn, tuy nhiên Chị B yêu cầu Anh A phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị thì chị mới đồng ý ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng phải dựa trên cơ sở tình cảm, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc nhau. Hiện nay vợ chồng Anh A và Chị B không ai quan tâm

đến ai, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho anh chị được ly hôn là có căn cứ.

[3] Về nội dung kháng cáo đề nghị Toà án buộc Anh A bồi thường khoản tiền bù đắp tuổi thanh xuân cho chị: Xét thấy, Anh A, Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, pháp luật cũng không quy định khoản tiền bồi thường tuổi thanh xuân, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên của Chị B.

[4] Về con chung: Anh Phùng Văn A và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1995 và Phùng Việt G, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002. Hiện các con của anh chị đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Phùng Văn A và chị Nguyễn Thị B xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 40m2, công trình phụ liên hoàn trên diện tích đất 150m2 tại thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 246-C-1, địa chỉ thôn Áng Sơn nay là Thôn F, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phùng Văn A), ngoài ra anh chị không còn tài sản nào khác.

[6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải tại cấp sơ thẩm, Chị B nhất trí với việc Anh A sử dụng phần diện tích đất có nhà và công trình phụ, chị nhận sử dụng phần diện tích đất còn lại và nhận tiền chênh lệch tài sản Anh A trả sang nhưng tại phiên tòa sơ thẩm Chị B thay đổi ý kiến đề nghị được chia phần diện tích đất có nhà, công trình phụ và trả tiền chênh lệch tài sản cho Anh A. Sau khi xét xử sơ thẩm, Chị B có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng như trên. Xét thấy, về điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi bên thể hiện: Anh A đã làm thợ chụp ảnh và cắt tóc nhiều năm tại nhà. Từ năm 2018, Chị B đi làm ăn xa, Anh A ở nhà giữ gìn, duy trì khối tài sản và chăm sóc con chung chu đáo. Hiện nay, Chị B làm công nhân có thu nhập ổn định. Các con chung của anh chị đều đã trưởng thành không can thiệp việc tranh chấp chia tài sản chung của bố mẹ và có ý kiến nếu Toà án giao phần đất có nhà cho ai thì các con chung của anh chị cũng sẽ ở cùng với người đó. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên và giao phần đất có nhà cho Anh A sử dụng, giao phần đất không có nhà cho Chị B sử dụng, Anh A có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho Chị B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.Tại phiên tòa, Anh A tự nguyện hỗ trợ thêm cho Chị B khoản tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để Chị B ổn định chỗ ở nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện trên của Anh A.

[7] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị B và

quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chị B, sửa Bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị B, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về tài sản chung:

Giao cho anh Phùng Văn A sở hữu căn nhà xây cấp 4 và toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 78,3m2 tại thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 246-C-1, địa chỉ thôn Áng Sơn nay là Thôn F, xã E, huyện AL, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 7 năm 2003 mang tên Phùng Văn A. Có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị B dài 18,5m từ mốc 11 đến mốc 12;

- Phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị H dài 18,5m từ mốc 7 đến mốc 8;

Phía Nam giáp đất đồi 74 dài 4,26m từ mốc 7 đến mốc 12;

- Phía Bắc giáp đất hành lang đường 306 dài 4,26m từ mốc 8 đến mốc 11;

Anh Phùng Văn A phải trả có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị B số tiền chênh lệch tài sản là 126.400.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phùng Văn A hỗ trợ thêm cho chị Nguyễn Thị B 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh Phùng Văn

A trả cho chị Nguyễn Thị B là 186.400.000đ (một trăm tám sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Giao cho chị Nguyễn Thị B sử dụng diện tích đất 71,7m2 tại thửa đất số 1219, tờ bản đồ số 246- C-1, địa chỉ thôn Áng Sơn nay là Tam Sơn, xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải phòng. Có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Phùng Thanh T dài 18,5m từ mốc 2 đến mốc 3;

- Phía Tây giáp đất ông Phùng Văn A dài 18,5m từ mốc 11 đến mốc 12;

- Phía Nam giáp đất đồi 74 dài 3,94m từ mốc 3 đến mốc 12

- Phía Bắc giáp đất hành lang đường 306 dài 3,94m từ mốc 2 đến mốc 11.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo.)

Anh Phùng Văn A và chị Nguyễn Thị B có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị B có quyền lưu cư trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Anh Phùng Văn A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 32.300.000đ (ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phùng Văn A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011515 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, anh Phùng Văn A còn phải nộp số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011611 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị B còn phải nộp số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Chị B được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011707 ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Anh Phùng Văn A có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị B số tiền 2.285.000đ (hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thúy Hà